

PHỤ LỤC IX: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án (không tính thời gian bố trí vốn CBDT)	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMBT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
	79	CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025			4.155.882,027	0,000	4.155.882,027	3.366.617,931	3.366.617,931	570.105,722	570.105,722
1	1	Xây dựng Trường Mầm non Tân Tiến (điểm trường Do Nha)	2024	3307/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	35.072,000		35.072,000	25.871,470	25.871,470	9.200,225	9.200,225
2	1	Xây dựng đường gom Quốc lộ 5 đoạn qua khu công nghiệp Nomura (nay là Khu công nghiệp Nhật Bản- Hải Phòng)	2025	3365/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	29.714,000		29.714,000	10.836,860	10.836,860	10.998,140	10.998,140
3	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Lê Lợi, huyện An Dương	2024	696/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3440/QĐ-UBND, 28/10/2024	51.156,000		51.156,000	47.086,946	47.086,946	2.069,000	2.069,000
4	1	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Lê Lợi giai đoạn 1	2024	4778/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	47.265,000		47.265,000	28.114,437	28.114,437	19.150,563	19.150,563
5	1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	2024	2847/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	8.712,315		8.712,315	5.004,240	5.004,240	3.708,000	3.708,000
6	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Nam Sơn, huyện An Dương	2024	695/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3437/QĐ-UBND, 28/10/2024	132.479,000		132.479,000	115.360,188	115.360,188	17.118,812	17.118,812
7	1	Xây dựng mở rộng Trường Trung học cơ sở Nam Sơn giai đoạn 1	2024	4784/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	64.103,000		64.103,000	46.639,576	46.639,576	17.410,424	17.410,424
8	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Đồng, huyện An Dương	2024	697/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3436/QĐ-UBND, 28/10/2024	128.729,000		128.729,000	112.996,140	112.996,140	15.732,860	15.732,860

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
9	1	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 03 tầng 09 phòng Trường Tiểu học An Đồng (khu Vĩnh Khê)	2024	2846/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	10.341,524		10.341,524	8.192,243	8.192,243	2.149,281	2.149,281
10	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đại Bản, huyện An Dương	2024	1181/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; 2691/QĐ-UBND, 19/8/2024	117.754,000		117.754,000	103.000,322	103.000,322	9.551,000	9.551,000
11	1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học An Hưng	2024	3011/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 4103/QĐ-UBND, 14/11/2024	14.500,000		14.500,000	13.050,000	13.050,000	1.450,000	1.450,000
12	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Tân Tiến	2024	27/NQ-HĐND ngày 25/5/2023; 38/NQ-HĐND ngày 13/6/2024	4.598,000		4.598,000	800,000	800,000	3.798,000	3.798,000
13	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Bắc Sơn	2023	26/QĐ-HĐND ngày 25/5/2023	5.232,000		5.232,000	800,000	800,000	4.432,000	4.432,000
14	1	Xây dựng nhà đa năng Trường Trung học cơ sở An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương	2024	2845/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	7.218,000		7.218,000	5.050,000	5.050,000	2.168,000	2.168,000
15	1	Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2023	2098/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	122.194,291		122.194,291	113.498,235	113.498,235	8.696,055	8.696,055
16	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5819/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	110.815,000		110.815,000	102.000,000	102.000,000	8.815,000	8.815,000
17	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5586/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	6.530,000		6.530,000	6.067,568	6.067,568	460,000	460,000

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
18	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	2212/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	58.526,000		58.526,000	48.871,694	48.871,694	9.654,306	9.654,306
19	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5820/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	90.596,819		90.596,819	85.843,720	85.843,720	4.753,099	4.753,099
20	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5587/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	8.075,092		8.075,092	7.140,059	7.140,059	935,033	935,033
21	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	3293/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	35.668,000		35.668,000	25.808,736	25.808,736	9.859,264	9.859,264
22	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5818/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	78.050,000		78.050,000	72.000,000	72.000,000	6.050,000	6.050,000
23	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	4180/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	21.700,000		21.700,000	13.602,432	13.602,432	8.097,568	8.097,568
24	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	6123/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.300,000		2.300,000	2.054,000	2.054,000	246,000	246,000
25	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5817/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	61.591,000		61.591,000	58.999,997	58.999,997	2.591,003	2.591,003
26	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	2465/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	28.221,000		28.221,000	26.939,934	26.939,934	1.281,066	1.281,066

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMDT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
27	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa và y tế trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	832/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	5.518,000		5.518,000	4.011,060	4.011,060	1.506,940	1.506,940
28	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5821/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	73.637,000		73.637,000	68.000,000	68.000,000	5.637,000	5.637,000
29	1	Xây dựng các công trình trường học và y tế trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	3292/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	34.113,000		34.113,000	27.536,096	27.536,096	6.576,904	6.576,904
30	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2024	5822/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	57.553,000		57.553,000	54.004,718	54.004,718	3.548,282	3.548,282
31	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	4179/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	31.784,000		31.784,000	25.561,461	25.561,461	6.222,539	6.222,539
32	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2025	2213/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	3.237,000		3.237,000	3.000,000	3.000,000	237,000	237,000
33	1	Đầu tư các hạng mục công trình Trường trung học phổ thông An Lão đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2025	3294/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	37.000,000		37.000,000	36.000,000	36.000,000	1.000,000	1.000,000
34	1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo Huyện lộ 402 (đoạn từ ngã tư cầu Cao xã Đại Hà đến cầu Ngũ Đoan - Tân Phong)	2025	2466/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	42.383,000		42.383,000	16.427,380	16.427,380	3.567,622	3.567,622
35	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng liên cấp trường tiểu học - THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	2024	1584/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	20.766,426		20.766,426	16.331,000	16.331,000	3.354,000	3.354,000

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMDT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
36	1	Phá dỡ dãy nhà lớp học 2 tầng, xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà ăn bán trú và công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	2025	1832/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	21.606,129		21.606,129	20.000,000	20.000,000	1.606,129	1.606,129
37	1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, công trình phụ trợ trường mầm non thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	2025	2072/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	26.991,000		26.991,000	9.086,750	9.086,750	17.193,000	17.193,000
38	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, xây dựng nhà lớp học 2 tầng và công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	2025	1975/QĐ-QĐND ngày 09/5/2025	34.577,073		34.577,073	18.764,870	18.764,870	15.812,000	15.812,000
39	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng; nhà lớp học 3 tầng, công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	2025	1831/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	36.924,000		36.924,000	36.924,000	36.924,000	0,000	0,000
40	1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, công trình phụ trợ trường Tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	2025	3310/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	22.080,290		22.080,290	10.000,000	10.000,000	12.080,290	12.080,290
41	1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đầu cầu, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên	2024	Số 1681/QĐ-UBND Ngày 12/3/2024	126.605,000		126.605,000	92.680,770	92.680,770	5.000,000	5.000,000
42	1	Xây dựng cầu chùa Lai - xã Quang Phục	2022	999/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	14.994,000		14.994,000	13.587,518	13.587,518	920,130	920,130

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
43	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Thắng (các công trình giao thông)	2024	2304/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	90.459,999		90.459,999	77.153,972	77.153,972	4.090,000	4.090,000
44	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Thắng (các công trình dân dụng)	2025	764/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	25.201,000		25.201,000	22.300,000	22.300,000	1.000,000	1.000,000
45	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường (các công trình giao thông)	2024	2300/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	83.150,000		83.150,000	73.000,000	73.000,000	4.000,000	4.000,000
46	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường (các công trình dân dụng)	2025	734/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	36.889,000		36.889,000	32.000,000	32.000,000	4.000,000	4.000,000
47	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Thanh (các công trình giao thông)	2024	2298/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	81.561,000		81.561,000	71.000,000	71.000,000	3.000,000	3.000,000
48	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Thanh (các công trình dân dụng)	2025	762/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	27.210,000		27.210,000	24.730,000	24.730,000	2.000,000	2.000,000
49	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Khởi Nghĩa (các công trình giao thông)	2024	2301/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	86.648,000		86.648,000	79.246,297	79.246,297	3.000,000	3.000,000
50	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Khởi Nghĩa (các công trình dân dụng)	2025	735/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	32.078,000		32.078,000	28.000,000	28.000,000	4.078,000	4.078,000
51	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Minh (các công trình giao thông)	2024	2299/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	115.734,000		115.734,000	106.956,000	106.956,000	6.057,630	6.057,630

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
52	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Minh (các công trình dân dụng)	2025	733/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	19.982,966		19.982,966	17.050,266	17.050,266	2.235,272	2.235,272
53	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bắc Hưng (các công trình giao thông)	2025	Số 2305/QĐ-UBND ngày 02/8/2024; số 2880/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	94.993,000		94.993,000	84.300,000	84.300,000	4.500,000	4.500,000
54	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bắc Hưng (các công trình dân dụng)	2025	737/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	29.646,362		29.646,362	26.999,524	26.999,524	2.000,000	2.000,000
55	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình giao thông)	2024	2302/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	107.938,000		107.938,000	92.500,000	92.500,000	5.400,000	5.400,000
56	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình dân dụng)	2025	736/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	18.628,000		18.628,000	14.000,000	14.000,000	1.921,000	1.921,000
57	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Hưng (các công trình giao thông)	2024	Số 2303/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	76.416,000		76.416,000	69.297,000	69.297,000	3.975,200	3.975,200
58	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Hưng (các công trình dân dụng)	2025	763/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	37.152,000		37.152,000	29.321,000	29.321,000	6.987,589	6.987,589
59	1	Đầu tư các hạng mục công trình trường THPT Toàn Thắng huyện Tiên Lãng	2025	1205/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	33.577,982		33.577,982	29.177,982	29.177,982	1.500,000	1.500,000
60	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)	2024	8487/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	34.731,393		34.731,393	13.679,000	13.679,000	21.052,393	21.052,393

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
61	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	2024	4464/QĐ-UBND, 09/8/2024	96.987,000		96.987,000	82.739,595	82.739,595	11.246,702	11.246,702
62	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	2025	2214/QĐ-UBND, 03/3/2025	24.013,000		24.013,000	16.301,000	16.301,000	7.712,000	7.712,000
63	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024	4465/QĐ-UBND, 09/8/2024	52.999,990		52.999,990	43.746,500	43.746,500	7.253,400	7.253,400
64	1	Xây dựng trường tiểu học thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024	23/NQ-HĐND ngày 12/06/2024	61.121,000		61.121,000	18.346,300	18.346,300	42.774,700	42.774,700
65	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	2024	4786/QĐ-UBND, ngày 10/9/2024	88.406,000		88.406,000	70.394,354	70.394,354	13.011,646	13.011,646
66	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	2025	2213/QĐ-UBND, ngày 03/03/2025	28.094,000		28.094,000	16.231,000	16.231,000	11.863,000	11.863,000
67	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Trung Lập	2024	4466/QĐ - UBND ngày 09/8/2024	101.040,000		101.040,000	76.442,521	76.442,521	15.597,479	15.597,479
68	1	Xây dựng các trường học (tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập	2024	5892/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	14.938,226		14.938,226	11.060,000	11.060,000	3.878,226	3.878,226
69	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã An Hoà	2024	4467/QĐ-UBND ngày 09 /8/2024	112.000,000		112.000,000	92.746,400	92.746,400	19.253,600	19.253,600

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
70	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Hưng Nhân	2024	4468/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	95.900,000		95.900,000	73.106,000	73.106,000	12.794,000	12.794,000
71	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Cộng Hiền	2024	4469/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	118.500,000		118.500,000	88.712,000	88.712,000	15.788,000	15.788,000
72	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Vinh Quang	2024	4787/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	98.887,000		98.887,000	74.329,000	74.329,000	14.558,000	14.558,000
73	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vinh Quang	2025	2212/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	16.610,431		16.610,431	11.402,000	11.402,000	5.208,431	5.208,431
74	1	Dự án Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	2024	4788/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	102.566,000		102.566,000	80.751,000	80.751,000	16.815,000	16.815,000
75	1	Công trình Xây dựng các Trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	2024	5706/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	13.558,000		13.558,000	12.608,000	12.608,000	950,000	950,000
76	1	Công trình xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am	2024	5705/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	10.059,000		10.059,000	9.593,800	9.593,800	465,200	465,200
77	1	Công trình: Xây dựng trường trung học cơ sở thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	2024	7397/QĐ-UBND, 5/12/2024	5.744,719		5.744,719	4.956,000	4.956,000	788,719	788,719
78	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Trần Dương	2024	4785/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	117.810,000		117.810,000	86.015,000	86.015,000	16.795,000	16.795,000

STT	Số dự án	Tên dự án	Năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án <i>(không tính thời gian bố trí vốn CBĐT)</i>	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí/giải ngân đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách thành phố trong nước và nguồn doanh nghiệp đóng góp	
				Số NQ/QĐ	TMĐT	Trong đó		Tổng số	Trđ: NSTP trong nước	Tổng số	Trong đó
						NSTW trong nước	NSTP trong nước				Ngân sách thành phố trong nước
79	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Cổ Am	2024	4784/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	93.741,000		93.741,000	68.882,000	68.882,000	7.919,000	7.919,000